

• Tích Sơn

蹟山 - Tên hòn núi ở cõi Phi Tướng Thiên*, tầng Trời thứ 6 trong Thập Nhị Khai Thiên*.

• Tích Cốc

Nguyên có một nhóm tín đồ Cao Đài* nghe theo vợ chồng người bạn đạo tên Nhuận đã xuất phát từ một nhà tu tịnh tại làng Thái Bình Địa trong phạm vi Tòa Thánh Tây Ninh*. Nhóm đạo hữu* này khoảng 10 người, chủ trương ăn rau cỏ không ăn cơm để đắc đạo*. Tháng chạp Quý Dậu (1933), ông Nhuận cầm đầu nhóm người này vào Tòa Thánh Tây Ninh ngồi lên mấy cái ngai dành cho chức sắc* lãnh đạo hiện diện trong các cuộc đại lễ bị đuổi xuống thất kinh hồn vía. Sau đó, vợ chồng Điền tự xưng là nguyên soái kéo số người nghe theo bèn đồ toàn trắng (chứ không bèn đồ đà như ở Tây Ninh) đến dinh Thống Soái Nam kỳ treo cờ và đòi trả lại độc lập cho nước Việt Nam. Ông Điền bị bắt đưa vào nhà thương điên. Tuy vậy, nhóm người này vẫn tồn tại một thời gian sau do bà Nhuận hiệp với 9 bà khác hề đâu có thuyết đạo thì kéo đến nghe... Thời bấy giờ gọi họ là một phái đạo gọi là phái Tích Cốc. Nhưng xét ra sở hành của nhóm người này không thể gọi là chánh giáo* theo

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

chơn truyền* Cao Đài giáo* mà dễ thường họ bị tà ma xúi quẩy làm chuyện động trời (như ăn rau cỏ để đạt đạo, nhảy lên ngồi trên các ghế chức sắc, treo cờ đòi độc lập khi chỉ lẻ tẻ vài người...) thì chỉ có loại bàng môn tả đạo mới như vậy.

• tịch diệt

dématérialisation complète^F - entering on Paradise^A - 寂滅 - Chết* rồi không trở lại, chỉ sự thành đạo, linh hồn* siêu thoát*, không trở lại thế gian, vĩnh cửu nơi cõi Vô hình gọi là hư vô tịch diệt là thành tựu đối với những bậc chân tu tâm pháp nhiều hơn là người tu thường.

• Tịch đạo

La Liste des adeptes^F - The List of followers^A - 關道 - Sau kỳ đàn* đêm Giao thừa Bính Dần (12-2-1926) với bài Thánh huấn Khai đạo* nhóm phò loan* cùng các nhà Khai đạo đã phân nhau đi khắp lục tỉnh Nam kỳ truyền đạo và được một số người nhập môn cầu đạo. Việc thiết lập danh sách các người tín đồ đầu tiên theo lệnh của Đức Cao Đài* có cuộc triệu tập toàn đạo để lập Tờ khai Tịch đạo vào đêm 23 tháng 8 năm Bính Dần (29-9-1926) tại nhà ông Võ văn Tường*, một nhân viên sở Tuần cảnh đã nhập môn vào đạo trước đó. Dưới thời Pháp thuộc, đây là một sự kiện rất khó thực hiện bởi phải có sự khai báo các buổi hội họp thường không quá 20 người theo luật pháp. Đảng này số người hiện diện có đến 247 người mà phải theo lệnh của Vô hình thì biết sẽ ra sao. Ấy thế, ông Tường là người của Pháp thì cũng một phần bảo đảm cho công việc, nhưng nếu sự đông đảo lọt ra ngoài phố thì làm sao che giấu được nhất là vào ban đêm. May đâu, từ tối cho đến khuya, một trận mưa lớn ào xuống nhà nhà đều đóng cửa và nhà ông Tường đã có 240 người đến tình nguyện đứng tên vào tờ Tịch đạo, cho đến khi công việc xong mọi người ra về thì cơn mưa cũng vừa tạnh. Trong thời gian tụ họp, chư tín hữu đã nghe xét duyệt lại bản thảo Tờ Khai đạo nguyên Pháp ngữ gọi là Déclaration officielle du Caodaisme có nghĩa là Bản Tuyên ngôn công khai của Cao Đài giáo*, chứ không có nghĩa là tờ đơn xin phép mở đạo. Tờ Tuyên ngôn khai đạo này được ông Lê văn Trung* đạo đạt lên Thống soái Nam kỳ là Le Fol ngày 7 tháng 10 năm 1926 sau đó. Số đạo hữu* đếm được đến ngày khai tịch

Đồng Tân

đạo là 247 người, duy chỉ có 7 người vắng mặt trong đó có đức Thái lão Trần Đạo Quang* nhưng vẫn được ghi vào danh sách Tịch đạo và Tờ Khai đạo. Trong cơ đàn vào tối hôm này, khi được bạch hỏi về việc này thì Đức Cao Đài dạy: "Cứ để tên Quang vào, nó không chối đạo đâu!"

• Tiềm Lực Thiên Nhiên

La Force Latente Naturelle^F - The Natural Latent Force^A - 潛力天然 - Từ ngữ này được Đồng Tân sử dụng trong sách Lý Thuyết Tổng Hợp* (xuất bản tại Sài Gòn năm 1971) nói về một Động lực* bao quát tiềm ẩn trong Vũ trụ, dưới sự điều động của Thượng Đế* làm động cơ cho cuộc tiến hóa chung của Càn khôn Thế giới trong mọi điều hòa trật tự từ khai Thiên lập Địa cho đến bao giờ triền miên vĩnh cửu. Từ ngữ này do Đồng Tân lãnh hội từ Vô hình một hệ thống các Lực* trong Vũ trụ qua phần dẫn chứng về Sứ mạng* con người trong khi đang giảng bài trong buổi dạy học ở một trường trung học tại Sài Gòn năm 1960. Từ Tiềm Lực Thiên Nhiên này sinh các luật lệ quy định cuộc sống nhân loại còn trong phong tục luân thường đạo lý xưa nay. (Xem Lý Thuyết Tổng Hợp* Bản Thể Luận* và Thể Tính Học* của Đồng Tân sẽ biết thêm chi tiết).

• tiềm thức

sub conscience^F - sub consciousness^A - 潛識 - Cái gì là vô thức nhưng chúng ta có thể ý thức* được. Thường trong giới tâm lý học, người ta dùng danh từ vô thức khi chúng ta có thể ý thức được nó. Người ta có thể phân biệt: vô thức vật thể hay vật chất thì không bao giờ ý thức được và vô thức tâm lý thì có thể ý thức được gọi là tiềm thức. Theo nghĩa này thì ngành phân tâm học* là một sự phân tích thuộc về tiềm thức. Bản Thể Luận* định nghĩa tiềm thức là phần uyên nguyên của ý thức do giác thức* sinh hoạt* khởi động nơi con người. Nó cũng một hiện tượng vật lý do Trí Thức* điều động mà có.

• Tiên

Ange^F - Angel^A - 仙 - Nơi tôn giáo* Á Đông, Tiên là phẩm vị* Vô hình cao nhất của Lão giáo*. Theo các tôn giáo cổ xuất phát từ Kinh Thánh* thì Anges (Tiên) là đấng Vô hình làm trung gian giữa sự sáng tạo của Chúa và Người. Thường được nhắc đến

trong Kinh Thánh, các vị Tiên hay Thần linh* là những Thiên sứ* bởi họ phát ngôn tiếng nói của Chúa. Phẩm vị đặc đạo* trong Cao Đài giáo* (phần Vô Vi*) cũng là phẩm vị Tiên, phân ra làm bốn bậc: cao nhất là Kim Tiên* cùng bậc với Phật Tổ, dưới có ba bậc: Thiên Tiên*, Địa Tiên* và Nhơn Tiên* ngự trị ba cõi Trời khác nhau trong số Cửu Trùng Thiên* nơi cõi Thượng giới. Tuy nhiên, theo quan niệm đại đồng* vô biệt được truyền đạt nơi Cao Đài giáo, khi vãng Thiên mạng* giáng trần* cứu thế thì nơi cõi Vô hình không phân cao thấp, dù Thượng Đế* hay Nhơn Tiên* cũng hòa đồng với nhau. Các cự giáo* giữ độc quyền và cấp bậc nơi cõi Vô hình chỉ phản ảnh tính chất phạm tục chủ quan mà thôi như Phật cao hơn Tiên, Tiên cao hơn Thánh, Thánh cao hơn Thần. Cho nên, mọi tranh chấp ngôi thứ lớn nhỏ nơi thế giới Thần linh của các cự giáo chỉ là những tệ đoan như đã có từ xưa nay, chỉ đem lại sự tranh chấp từ nhỏ trong căn nhà đến lớn ngoài xã hội mà hậu quả đã thành những trận chiến tranh khắp thế giới cũng do nạn cường tín* này mà ra.

• Tiên cảnh

Séjour des Anges^F - Fairy land^A - 仙境 - Nơi các vị Tiên ở thuộc thế giới Vô hình gọi chung là Thượng giới như Niết bàn* (Phật), Thiên đàng (Chúa) cũng cùng một cảnh giới mà thôi.

• Tiên Cô

La bonne Déesse^F - The fine Goddess^A - 仙姑 - Chức vị Tiên nữ nơi cõi Vô hình, ở cấp cao hơn Tiên nương.

• Tiên cung

Royaume des Fées^F - Fairy Kingdom^A - 仙宮 - Nơi cung điện có đủ các đẳng cấp Tiên vị ngự trị trong các phần hành khác nhau ở Thượng giới*.

• Tiên đạo

仙道 - Xem Lão giáo.

• Tiên giáo bửu cáo

Xem Thái Thượng Đạo quân bửu cáo*.

• Tiên Nương

Fée^F - Fairy^A - 仙娘 - Cũng gọi là Tiên nữ cấp thấp

hơn Tiên Cô*.

• Tiên Ông

Ainé des Ange^F - Senior Angel^A - 仙翁 - Phẩm vị cao nhất trên cõi Tiên nơi Thượng giới* (*thuộc về nam phái*).

• Tiên thể

Corps éthéré^F - Ethereal body^A - 仙體 - Phần linh hồn* người chết* được siêu thoát* nơi cõi Vô hình mang Tiên vị đang về Thượng giới*.

• tiên thiên

à priori^F - a priori^A - 先天 - tính cách hồn nhiên trước mọi thể hiện của trời đất, đối nghịch với hậu thiên* (*à postériori*) là do kinh nghiệm mà có. Tiên thiên chỉ thời kỳ hồn mang trước khi thành hình vũ trụ vật chất, lúc chưa có trời đất.

• Tiên Thiên phái

La secte Tiên Thiên^F - The Tiên Thiên sect^A - Một chi phái* Cao Đài* nảy sinh từ 1932 với người khai mào là Giáo Hữu Nguyễn hữu Chính từ Tòa Thánh Tây Ninh*. Nguyên ông này đã bị Tòa Thánh trục xuất vì lý do có đồng tử* lập cơ bút* riêng. Thánh Tịnh* được dựng nên đầu tiên làm cái nôi cho phái này là Thánh Tịnh Thiên Thai ở Cai Lậy với đồng tử Huệ Mỹ hay bàn chuyện thiên cơ quốc sự nên hấp dẫn các nhà trí thức có lòng ái quốc không ít. Khi các ông Lê kim Ty*, Phan văn Tòng, Nguyễn bửu Tài rời khỏi phái Minh Chơn Lý* của ông Nguyễn văn Ca* khoảng năm 1934 thì lại tụ tập về với ông Chính lúc bấy giờ cơ bút đã phong Ngọc Chương Pháp. Từ đó, trụ sở chính được thành lập là Tòa Thánh Châu Minh trên một khu đất rộng rãi tại Sóc Sãi - Bến Tre, đồng thời cơ sở Vĩnh Nguyên Tự* được phục hồi gọi là Hội quán Hiệp Thiên Đài* tại Cần Giuộc với quyền Chương quản của ông Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt sau khi ông này bị Tòa Tam Giáo ở Tây Ninh xét xử về một tội trạng mà cho đến nay vẫn còn mơ hồ. Với một tập hợp trí thức đạo tâm* đông đảo, Tòa Thánh Châu Minh đã có ban điều hành gồm Thất Thánh* và Thất Hiền*, thành lập xong 72 ngôi Thánh Tịnh* theo lệnh cơ bút đọc các tỉnh Nam kỳ với khí thế đạo đồ không thua kém gì các chi phái khác. Đặc biệt phái này không dùng đạo phục ba màu mà dùng toàn trắng.

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Chơn truyền* không canh cải mà giữ theo Thánh huấn từ buổi Khai đạo 1926 (*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển** - *Pháp Chánh Truyền** - *Tân Luật**) nhưng cơ bút thiên về đạo Tiên với phù phép* Luyện đạo* hơn các chi phái khác. Danh hiệu được dùng là Tiên Thiên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ* thì không thực tế lắm khi Tiên Thiên chỉ là chi phái của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, có thể bị hiểu lầm là Tiên Thiên có trước Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tuy nhiên, từ phái này đã có những bậc trí thức giàu tâm đạo nên mỗi đạo từ đây đã được truyền ra Trung Bắc song song với các phái khác như Tây Ninh hay Minh Chơn Đạo* mà Cơ quan Truyền giáo Trung kỳ thành hình từ 1938 vẫn hành đạo đến sau này.

• Tiên Thiên cơ ngẫu

Les opposés de la nature naturante^F - The priori opposites^A - 先天奇偶 - Cơ là lẻ, ngẫu là đôi. Sự phối hợp để hình thành vũ trụ bắt đầu từ một Lý Thái Cực* (*cơ*) phân ra âm dương (*ngẫu*). So sánh trong con người thì có hậu thiên* cơ ngẫu* chỉ phần hồn là cơ mà thể xác là ngẫu bởi do âm dương tạo thành. Vạn vật hậu thiên sanh hóa cũng do nguyên lý khởi doan này. Nhưng Kinh Dịch* là nguồn cội của lý thuyết này đã không đề cập đến sự sinh hóa như thế nào và từ đâu mà có nó, sự thể hiện chân xác ra làm sao. Theo giáo sư Jeremy Davidson thuộc viện Đại học Luân Đôn, người viết bài tựa sách Bản Thể Luận* của Đồng Tân thì nội dung sách này giải đáp cho vấn đề Tiên Thiên cơ ngẫu mà Kinh Dịch chưa nói ra theo mức khai thị* của tác giả tiềm tàng trong tinh thần giáo lý Cao Đài*.

• Tiên Thiên lập đỉnh

先天立鼎 - Chỉ kết quả việc tu luyện (*tâm pháp Vô Vi*) ứng lộ trên phần đỉnh đầu con người (*huyệt Bách Hội*).

• Tiên Thiên Ngũ Khí - Hậu Thiên Ngũ Hành

Les cinq fluides de la nature naturante, les cinq éléments de la nature naturée^F - The five a priori fluids, the five a posteroi elements^A - 先天五氣後天五行 - Theo Kinh Dịch* thì khí Hư Vô biến tạo vũ trụ vật chất theo các nguyên lý

Đông Tân

như sau:

- Thiên nhất sanh thủy, địa lục thành chi (vào thời kỳ thứ nhất, trời sinh ra nước thì đến thời kỳ thứ sáu đất mới sinh ra nước).

- Thiên tam sanh mộc, địa bát thành chi (vào thời kỳ thứ ba, trời sanh cây thì đến thời kỳ thứ tám đất mới sanh cây).

- Thiên ngũ sanh thổ, địa thập thành chi (vào thời kỳ thứ năm, trời sanh đất thì đến thời kỳ thứ mười đất mới sinh ra đất).

- Địa nhị sanh hỏa, thiên thất thành chi (vào thời kỳ thứ hai đất tạo ra lửa thì đến thời kỳ thứ bảy trời mới sinh ra lửa).

- Địa tứ sanh kim, thiên cửu thành chi (vào thời kỳ thứ tư đất sinh ra khoáng chất thì đến thời kỳ thứ chín trời mới sinh khoáng chất).

Kinh Đại Thừa Chơn Giáo* (phần Vô Vi*) cũng xác nhận như trên. Và chẳng sự sinh hóa do Thiên Địa này không hàm ý tiên thiên và hậu thiên*. Ta thấy trong đây thì phần tiên thiên đã có trước như thủy, mộc, thổ ở dạng vô hình (cũng gọi là khí) từ đó các chất này mới sinh ra về sau, trong khi đó thì hỏa và kim loại có sau bởi sự ứng lộ của nó cũng từ tiên thiên nhưng phát hiện ra sau khi có loài người. Phải chăng câu trên có nghĩa là vào thời tiên thiên, vũ trụ chỉ là một thể Khí mà đến hậu thiên vũ trụ mới hiện năm chất tương đương là ngũ hành kim mộc thủy hỏa thổ từ đó thành hình các hiện tượng trong vũ trụ?!

• Tiên Thiên Hư Vô chi Khí

Le suprême ether de la nature naturante^F - The supreme ether of the priori^A - 先天虛無之氣 - Buổi khai nguyên Vũ trụ chỉ có một chất khí Hư Vô. Nhưng khí Hư Vô màu nhiệm* bất khả tri này đã hàm chứa một nguyên lý sanh hóa từ đó mới có sự hình thành Vũ trụ* mà công cuộc tiến hóa còn đến bao giờ. Kinh Đại Thừa Chơn giáo* bàn về Vũ trụ như sau: "... Khắp cả Càn Khôn Thế Giới là Vũ, cùng chỗ Vũ kêu là Trụ. Vũ nghĩa là trùm cả bốn phương và trên với dưới. Trụ cũng có nghĩa là xưa qua nay lại, nên trong Vũ trụ nó gồm cái nghĩa cả không gian và thời gian. Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong khoảng không gian ấy còn đang mịt mịt mờ mờ với khí hồng mông, vì đó là còn trong thời kỳ hỗn nguyên vậy. Không gian ấy tức

là Vô Cực. Trong Vô Cực ấy lại có một cái Nguyên Lý thiên nhiên* tuyệt diệu, tuyệt huyền rồi lại có thêm một cái Nguyên Khí Tự Nhiên* nữa. Lý* với Khí ấy tức là Âm* với Dương* trong buổi Hồng nguyên thời đại. Lý Khí ấy lại lần lần ngưng kết nhau mà đông tụ trong thời gian khá lâu mới thành ra một khối tinh quang rất đủ đầy các sự tốt đẹp. Chừng đúng hạn kỳ khối ấy mới nổ tung ra một tiếng vang lừng dữ dội phi thường làm cho rung động cả không gian, bên có một điểm Linh Quang* từ trong tiếng nổ ấy văng ra mà lẫn lộn quây quần giữa chốn không trung, dang tủa hào quang rất chiếu diệu rạng ngời, trùng trùng điệp điệp, rực rỡ chói lòa khắp cả mọi nơi. Ấy chính là ngôi Chúa Tể của Càn Khôn Vũ Trụ đã biến hóa ra vậy; mà Vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực trọn lành, trọn tốt, toàn tri, toàn năng, thiên biến vạn hóa, vô tận vô cùng, nắm trọn quyền hành, thống chưởng cả Càn Khôn Vũ Trụ, và lấy cơ thể âm dương mà phân thanh biện trước, làm máy động tịnh để gom tụ cái Hư Vô động hóa sanh muôn loài vạn vật. Máy âm dương ấy cứ vẫn vãn xoay chuyển, không ngừng nghỉ một giờ khắc nào mà dưỡng dục chúng sanh, bảo tồn Thiên Địa...".

• Tiên Thiên Tuyên Bố tạp chí

Revue mensuelle Tiên Thiên Tuyên Bố^F - Tiên Thiên Tuyên Bố Monthly Review^A - Nguyệt san, cơ quan qui nguyên và bảo tồn Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của phái Tiên Thiên**. Chủ nhiệm: Lê kim Ty*. Quản lý: Lâm quang Tỷ. Tòa soạn: Thánh Tịnh Đại Thanh làng Hạnh Thông Tây, Gò Vấp, sau chuyển về Bình Hòa, Gia Định. Phát hành số 1 ngày 1-8-1938, đình bản số 19 tháng 5-1940 vì những biến động của thời cuộc, thực dân Pháp bắt đầu khủng bố, đàn áp mạnh Cao Đài giáo*.

• Tiên tịch

L'ordre des Anges^F - The order of Angels^A - 先闢 - Sổ ghi quí danh những người tu đắc đạo*, thành quả Tiên vị (phần Vô Vi*).

• Tiên tục đôi phang

L'Ange et l'homme sur deux plans^F - The angel and the man on two planes^A - 先俗變方 - Sự diễn tả cảnh chia ly giữa người mất (về Tiên cảnh*) và người sống (còn tại thế gian). Theo nhân sinh quan

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Cao Đài giáo* thì sự sống chết* chỉ là sự chia ly giữa hai đàng tất nhiên phải đến trong đời người, không có nghĩa là sự đau khổ như thuyết Phật. Bởi đó là ngã rẽ của con đường tấn hóa mà con người sinh ra trên cõi đời vốn là một thí sinh bị khảo hạch trên trường thi để tấn hóa, nếu kết quả tốt họ sẽ được hưởng thanh nhân tự tại nơi cõi Vô hình (còn gọi là *Thượng giới**), lâu hay mau tùy theo mức độ tấn hóa của họ. Còn nếu kết quả xấu thì họ chịu cảnh tối tăm cũng trong cõi Vô hình (còn gọi là *Diêm phủ**) để chờ ngày trở lại thế gian hay quả địa cầu* nào đó để tiếp tục cuộc tấn hóa hay chịu cảnh trở thành cầm thú ở kiếp* sau nếu buổi sinh tiền họ làm những tội ác giết người. Đối với những hồn ma hung dữ đã mất hết phần chơn dương* thì quanh quẩn đâu đó để chờ khi tự diệt mà thôi.

• Tiên Tử

Chức phẩm cấp nhì trong hệ thống chức sắc* của Hội Thánh Phước thiện* tại Tây Ninh do ông Phạm công Tắc* tạo ra trong 12 phẩm vị*, đối phẩm Đầu Sư* Cửu Trùng Đài*.

• tiền khiên

obligations antérieures^F - previous obligations^A - 前愆 - Tội lỗi đã có trước. Những tội lỗi này hoặc do người gây ra trong những kiếp* trước còn tích tụ hậu quả ở kiếp này, cũng một phần do tội lỗi của cha ông chưa trả xong còn liên lụy đến con cháu phải chịu bằng những hình phạt mà hiện kiếp họ không gây ra, điển hình những tội nguyên bẩm sinh của con cháu trong gia đình có ông bà hay cha mẹ tàn ác, hiện tượng đang xảy ra trên các nước cộng sản cũng như quân phiệt độc tài sát máu cho thấy luật Trời* không chối bỏ được theo nền đạo học* Á Đông: Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu (*lưới Trời lồng lộng, mũi kim cũng không tránh khỏi*).

• tiền kiếp

vie antérieure^F - previous life^A - 前劫 - Kiếp* trước. Theo quan niệm đạo học* khắp nơi như Ai Cập, Hy Lạp, Ấn Độ thì sự luân hồi* chuyển kiếp là một chân lý* sinh tồn của nhân loại từ nghìn xưa không riêng cho một dân tộc hay một tôn giáo* nào. Cho nên con người là một dung hợp* hai phần chủ động là linh hồn* và thể xác cho dù họ có tự giác* mà

biết như thế hay không. Lễ cổ nhiên, các thuyết phủ nhận linh hồn nơi con người thì chỉ là những thuyết phiến diện thuộc loại duy vật, dù có mang sắc thái tôn giáo thì thật ra cũng chỉ là thứ tôn giáo vô thần mà thôi, cũng do đó mà bị hạn chế tầm nhận diện về thế giới Vô hình không đủ khả năng tìm hiểu Thượng Đế. Cho nên, nói đến tiền kiếp là cái kiếp con người đã mang trước khi trở lại thế gian, hoặc nhiều hoặc ít mà một con người đã trải qua trong quá khứ, còn hiện tại con người sống thì là hiện kiếp.

• tiền nhập môn

noviciat^F - novitiate^A - 前八門 - Thời kỳ chuẩn bị để hội nhập vào một tôn giáo*. Theo luật lệ của Cơ Đốc giáo*, thời kỳ này ít ra cũng một năm và phải là tuổi 15 trở lên. Thời kỳ này kéo dài trong hai năm, qua rất nhiều cuộc hội họp. Với Cao Đài giáo* thì có hai trường hợp: - theo phần Phổ Độ* thì chỉ cần có hai người trong đạo tiến dẫn, cầu kinh học đạo*, giữ tam qui ngũ giới và trai kỷ* ít nhất là lục trai, làm được như thế là đã có thể được hướng dẫn đến Thánh Thất* để làm lễ nhập môn* theo luật đạo; - theo phần Vô Vi* thì thời kỳ này ít ra cũng phải 100 ngày: người cầu đạo phải trường trai tuyệt dục cúng* tứ thời* theo nghi thức Vô Vi trong 100 ngày. Sau đó, họ được đến một ngôi Đàn* với lễ phẩm để hầu lễ cúng và xin keo* hầu cơ đàn, nếu được keo họ mới được thọ pháp qua người chỉ kiếu* theo lệnh cơ bút* đã do keo chấp nhận; nếu không được keo thì phải về tiếp tục 100 ngày hành lễ trai giới* tại nhà và sau đó đến ngôi Đàn* cầu cúng xin keo lại. Đây là một nguyên lý cầu đạo mang tính màu nhiệm* tự cõi Vô hình quyết định sự tu học của một người, chứ không phải do thể phạm chỉ định như các cựu giáo*, dù cho hàng giáo phẩm có mang chức vụ gì hay đạo phục màu mè ra sao cũng chỉ là thế tục mà thôi.

• tiền thân

corps de vie antérieure^F - previous life body^A - 前身 - Thân xác ở tiền kiếp*. Nó tùy theo bản tính của một người. Ngoài cái thân xác là con người ở tiền kiếp khi họ giữ được nhân cách sẵn có, con người hiện kiếp trước đó có thể là con vật đã có một linh hồn* giác ngộ* tu tiến tùy theo khả năng bẩm sinh, trường hợp này gọi là một hóa nhân*, hoặc ở tiền

Đông Tân

kiếp họ là một chơn linh trên Thượng giới giáng phàm mà đức độ siêu phàm không mấy người sánh kịp. Tuy nói thế nhưng thật ra không phải các người mang đạo phước đều là Thần Thánh giáng phàm cả bởi vì tục ngữ có câu: Cái áo không làm nên thầy tu. Điều này được ứng dụng trong phần Vô Vi* của Cao Đài giáo*.

• tiến bộ

Le progrès^F - *The progress*^A - 進歩 - Vận hành về phía trước. Nói theo luận lý học* thì sự tiến bộ có thể về mặt thiện cũng như mặt ác. Nhưng thông thường, khi người ta nói đến tiến bộ của nhân tính, của văn minh* thì đó là sự tiến bộ về mặt thiện, tiến đến sự gia tăng của kiến thức về tinh thần và về hạnh phúc nhân loại. Sự tin tưởng vào tiến bộ là một trong những nguyên lý của tinh thần bách khoa vào thế kỷ XVIII, của thực nghiệm thuyết* vào thế kỷ XIX. Bởi tiến bộ, các triết gia* vào thế kỷ XVIII (các nhà bách khoa, Diderot, Voltaire*) không chỉ nghĩ đến một tiến bộ của khoa học* mà nhất là một tiến bộ xã hội trong chiều hướng của những sự tự do chính trị và hạnh phúc kinh tế. A. Comte* sau khi nhận biết tất cả giá trị của sự phát triển kỹ nghệ cho rằng đối tượng chính của sự tiến bộ loài người nằm trong sự cạnh tranh liên tục của trạng thái con người mà các phần phụ thuộc là trí thức về xã hội tính. Hiện nay, dù có lý tưởng của triết học* đem lại cho chúng ta sự thăng tiến, nhưng ta có thể nào hiểu rằng lịch sử thật sự xác nhận tầm nhìn của phái thực nghiệm? Có một sự kiện là sự tiến bộ khoa học cũng là một sự tiến bộ kỹ thuật và do đó của hạnh phúc loài người, nhưng người ta có thể nói rằng trên bình diện nhân loại, thời kỳ hiện tại của chúng ta có giá trị hơn những thời kỳ trước không trong khi giá trị một thời kỳ có mang đặc tính văn hóa* của nó không? Về phương diện này, không thể nói rằng nền văn hóa hiện đại cao hơn nền văn hóa cổ đại, cũng không thể nói nền văn hóa Pháp cao hơn nền văn hóa Anh hay Đức, chỉ nói đơn giản là có những nền văn hóa khác nhau. Nếu người ta so sánh tích số của những khám phá khoa học và triết học hay những sáng tác nghệ thuật, ví dụ như thế, thì người ta sẽ thấy sự thăng thế của thế kỷ Periclès (thế kỷ V trước Tây lịch) hay thời Phục Hưng trên thời Trung Cổ Âu châu. Về phương diện này, và chỉ so sánh sự phát triển khoa

học thế kỷ XX, quả không có đâu bằng trong lịch sử. Nhưng khi nói đến sự tiến bộ của nhân tính thì phải phân biệt hai thấu kính không hoàn toàn in hệt: 1- Về phương diện cá nhân, không có tiến bộ và sẽ không có chút tiến bộ nào; mỗi người sinh ra phải hoàn toàn học lại cách thắng dục và tuyên dương lý trí; luôn luôn có những người nóng nảy, kẻ vô tư, người sợ hãi...; 2- Về phương diện lịch sử loài người, người ta có thể ghi nhận một sự tiến hóa tuần tự của các thể chế quốc gia theo chiều hướng của một nền tự do* trên hết, một sự phát triển sự liên hệ giữa các quốc gia theo chiều hướng của một sự hợp tác lớn lao và do đó, của một nền hòa bình lâu dài và có tổ chức. Nói tóm lại, lịch sử của cá nhân là một sự lặp lại lâu đời những tật xấu cũ và những cuồng động cũ mà chỉ những sự tiến bộ và nhất là tính chất tổng quát của nền giáo dục mới có thể giúp chúng ta thắng đoạt một cách dễ dàng; trái lại, lịch sử nhân loại cho thấy có sự tiến bộ theo chiều hướng của sự hợp tác giữa các quốc gia và của loài người lẫn nhau. Nhưng thật sự, hòa bình tự nó không phải là một cứu cánh, nếu tổ chức hòa bình thế giới biểu hiện một sự tiến bộ luân lý, ứng hợp với sự phát triển của văn hóa và nghệ thuật thích nghi với sự cải thiện cuộc sống thì cũng phải chú ý, như với Hegel*, rằng chỉ có sự đa dạng của các quốc gia mới có thể giữ họ trong một tình trạng tranh cạnh thích hợp với sự tiến bộ kỹ thuật và khoa học. Trên đây là ý kiến của giới học giả quốc tế, với Đông Tân thì dù hiểu thế nào, tiến bộ vẫn là một giác thức* theo xu hướng của từng cá nhân, của từng thế hệ nhân loại để kéo cuộc sống cá nhân hay tập thể đi tới trước. Từ xưa nay vẫn thế, có khác chăng là tùy xu hướng của con người hoặc chạy theo vật chất như xã hội đương thời, hoặc chỉ biết có tinh thần như các người tôn giáo*, nhưng bên cạnh và song song đó lại có giác thức bảo tồn* như cái thắng của một chiếc xe cần giữ lại khi đã đi quá đà và giác thức sinh hoạt* không khác bộ máy đang vận hành trong chiếc xe làm cho nó chạy, tương tự như cuộc sống cá nhân hay xã hội loài người đang diễn tiến từ bao giờ. Bài thuốc chữa trị cá nhân hay xã hội dù thời đại nào cũng chỉ cần điều hòa cho đúng mức ba nguyên lý trên đây mà thôi. Suy ra thì cá nhân hay xã hội ngày nay đang như một chiếc xe chạy nhanh quá tốc độ mà bộ phận thắng đang hao mòn nên khó

tránh hậu quả nặng nề xảy ra mà ngày tận thế* chính đang chờ mỗi cá nhân, chứ không phải đơn giản chỉ là thiên tai địa ách* xảy đến bất ngờ đâu?!

• tiến hóa luận

évolutionnisme^F - evolutionism^A - 進化論 - Thuyết duy vật, theo đó nhiều chủng loại động vật khác nhau tự biến dạng bởi một vận động đơn giản theo một vòng tiến hóa nào đó (ví dụ con người biến dạng từ con khỉ). Lý thuyết này đã có vào cuối thế kỷ trước bởi Lamarck (Pháp) và Darwin (Anh) đến nay đã bị chỉ trích nặng nề khắp nơi và đã không còn giá trị nữa. Giữa những chủng loại có những khuyết điểm mà các nhà nhân chủng học* cũng như nhà cổ sinh vật học không thể nào bổ khuyết được. Người ta nhận biết thay vào sự tiến hóa chung, có sự song hành những chủng loại mà không hề có sự liên hệ nhau nhưng vẫn tiến hóa độc lập với nhau trong nhiều giới hạn rất eo hẹp. Trong những giả thuyết tiến bộ để giải thích sự tiến hóa các cá nhân và các chủng loại thì những thuyết đã được kể ra là thuyết Lamarck (ảnh hưởng của hoàn cảnh), thuyết Darwin (thiên trạch), thuyết ngẫu biến (sự cấu tạo chủng loại mới bởi sự biến đổi đột nhiên của các gene), thuyết Tân Darwin (chối bỏ tính di truyền* và phân tích sự tiến hóa ở mức độ các gene và các nhiễm thể).

• Tiếp dẫn Đạo nhơn

Instructeur^F - Instructor^A - Chức phẩm cấp dưới của Thập nhị Thời quân* ở cơ quan Hiệp Thiên Đài* do ông Phạm công Tắc* đặt ra năm 1935 dành cho những người nào đã phổ độ* được một quốc gia theo tín ngưỡng* Cao Đài giáo*. Chức vụ này đối phẩm với Chánh Phối Sư* Cửu Trùng Đài*.

• Tiếp Đạo

Collectionneur Religieux^F - Religious Collector^A - 接道 - Một trong bốn chức sắc* Thập nhị Thời quân* thuộc chi Đạo* dưới quyền Thượng Phẩm* trong vấn đề hành chánh pháp luật, cũng lại là người tiếp nhận các cáo trạng án tiết để nghiên cứu trước xem có gì oan khức rồi dâng lên cho Khai Đạo*.

• tiếp diễn

émission continue^F - to continue the astral

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

broadcast^A - Có trường hợp một đàn cơ* được lệnh ngưng vì một lý do nào đó, thường thì do đồng tử* mệt vì làm việc quá lâu hay một sự kiện nào khác thì cơ ngưng hoạt động, đồng tử được xả diễn và ngồi nghỉ một thời gian. Sau đó không lâu thì được tiếp tục như trước nên gọi là tiếp diễn. Trường hợp này thì vị Thần linh* có thể là vị khác nhưng đồng tử vẫn một.

• Tiếp lễ Nhạc quan

Chức phẩm ngành lễ nhạc tại Tây Ninh do ông Phạm công Tắc* đặt ra đối phẩm Chánh Phối Sư* Cửu Trùng Đài*.

• Tiếp Pháp

Collectionneur Mystique^F - The Mystic Collector^A - 接法 - Một trong bốn chức sắc* Thập nhị Thời quân* Hiệp Thiên Đài* thuộc chi Pháp* dưới quyền trực tiếp của Hộ Pháp* là người tiếp đơn trạng kiện thưa theo luật, có quyền xét đoán xem có nên phân định hay không; những điều nào sai luật thì hoặc bỏ qua, hoặc hoàn trả lại cho Cửu Trùng Đài*, còn như đúng luật định thì phải dâng lên Khai Pháp*.

• tiếp qui

Rite de l'agonie d'un mort^F - Agony of death rite^A - 接歸 - Người tín đồ Cao Đài* thuộc phần Phổ Độ* khi hấp hối được thiết lễ đọc Kinh Cầu khi Hấp Hối* ngay tại giường bệnh. Nghi lễ này được gọi là tiếp qui. Sau đó, khi người đã chết* thì đọc bài Cầu Hồn khi Đã Chết* và tiếp diễn theo qui trình tang lễ* trong đạo. Trong khi đó, người tu Vô Vi được các bạn đạo trong đàn* sở tại tụ tập đến để chăm lo theo tiến trình đã có, không cho một người trong hay ngoài đạo không chay* lạc đến gần và không đọc kinh, bởi vì khi còn sống người tu Vô Vi đã biết sau khi từ giả cõi đời linh hồn* sẽ đến đâu.

• Tiếp Thế

Collectionneur Séculier^F - Secular Collector^A - 接世 - Một trong bốn chức sắc* Thập nhị Thời quân* Hiệp Thiên Đài* thuộc chi Thế* dưới quyền của Thượng Sanh*, có phần hành tiếp thế luật hay các cáo trạng của người ngoài đạo cùng là của tín đồ có vấn đề kiện thưa quan hệ đến nội bộ nhà đạo, và sau khi xem xét tường tận sẽ dâng lên cho Khai Thế*.

Đông Tân

• tiêu điều Cực lạc

jouir de la félicité éternelle au Paradis^F - to enjoy eternal felicity in Paradise^A - 逍遙極樂 - Chỉ sự siêu thoát* của linh hồn* nơi cõi Thượng giới*.

• Tiểu A Hàm

Khuddhaka Nikaya^P - Một trong năm bộ Kinh tạng Pali của Phật giáo Tiểu Thừa* gồm 15 bộ kinh: Tiểu bộ tập, Pháp cú kinh, Tự thuyết, Như thị ngữ, Kinh tập, Thiên cung sự, Nga quý sự, Trưởng lão kệ, Trưởng lão ni kệ, Bốn sanh kinh, Nghĩa thích, Vô ngại đạo, Bồ thí dụ, Phật sử, Hạnh tạng.

• tiểu khang

petite paix^F - minor peace^A - 小康 - Thời kỳ xã hội không ổn định, quá xa thời đại đồng*. Sách Lễ Ký có ghi lời đức Khổng Tử về thời đại ngài đang sống: "Ngày nay đại đạo đã mờ tối, thiên hạ là của tư gia. Người ta chỉ biết yêu bản thân của mình, thương con cái mình. Tài sản chỉ giành làm của riêng, sức lực chỉ biết lợi dụng một cách ích kỷ. Một giai cấp quý tộc được thành lập có tính cách cha truyền con nối, lấy thế tộc làm chế độ. Các chư hầu xây hào đắp lũy để cố thủ, lấy nguyên tắc lễ nghĩa để duy trì trật tự xã hội, bảo vệ chính quyền bằng cách quy định bốn phận vua tôi cha con, điều hòa anh em vợ chồng để thiết lập chế độ xã hội kinh tế nông thôn. Kể có sức lực, có mưu trí ở địa vị của người hiền, trong khi mọi người chăm lo tranh đấu cho riêng mình. Bởi vậy mà mưu gian xảo trá mới nổi lên, họa chiến tranh mới bùng khởi. Đó là thời tiểu khang".

• tiểu lễ

petite cérémonie^F - small ceremony^A - 小禮 - Một nghi lễ cúng* kính trước Thiên Bàn không có lễ nhạc, chỉ tụng kinh mà thôi.

• Tiểu Linh Quang

Étincelle Divine^F - Divine Spark^A - 小豁光 - Kinh Đại Thừa Chơn Giáo* có cho biết Vũ trụ được thành hình từ khối Đại Linh Quang*, tức là khối Hồng Quang màu nhiệm* từ buổi khai nguyên làm động cơ sanh hóa Càn Khôn vạn vật. Con người, hay nói chung sanh chúng đều được bẩm thụ một phần tế vi của khối Đại Linh Quang* ấy để điều động cuộc

sống cá thể cho mỗi sinh vật mà mức cao nhất nơi Con Người gọi là Tiểu Linh Quang. Đây là một quan niệm Đạo học* Đông phương* đã có từ thời Cổ đại Trung Hoa với quan niệm hữu Vũ trụ*: *Thiên địa vạn vật nhứt thể* từ Kinh Dịch* (*Phục Hy**) hay quan niệm vô Vũ trụ* của Cổ Ấn Độ với châm ngôn *Tat Tvam Asi* (*Thử tức bỉ*), hoặc từ Kinh Vệ Đà* với mối tương quan *Atman** - *Brahman** của Ấn Độ giáo* cũng cùng một nguyên lý đó mà ra.

• tiểu nhân

personne mesquine (of Confucianism)^F - mean person (of Confucianism)^A - 小人 - Khổng giáo* gọi tiểu nhân là mẫu người tầm thường trong dân gian có cuộc sống đối lập với mẫu người quân tử*. Bởi vậy nên trong lối giáo dục với chủ thuyết tu thân, đức Khổng Tử thường lấy hai mẫu người ấy mà dạy môn sinh như trong lời ngài bảo thầy Tử Hạ*: "*Nhử vị quân tử nho, vô vi tiểu nhân nho*" (*Trở làm nho quân tử đừng làm nho tiểu nhân* - *Luận Ngữ: Ung giả VI*) bởi vì theo ngài thì "*quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt*" (*người quân tử đạt về lý cao minh, tiểu nhân đạt về cái lý hèn hạ* - *Luận Ngữ: Hiền vấn XIV*). Nói tổng lại thì đức Khổng chia nhân loại ra làm hai hạng người: người quân tử chủ ở sự tuân theo Thiên lý* để làm những điều công chánh, tiểu nhân chủ ở tư dục để làm điều tà khúc. Một đảng thì làm cho tôn phẩm giá của mình lên, một đảng thì làm cho hạ phẩm giá của mình xuống. Ai muốn theo đường nào cũng tùy ở cái chí của mình cả. Bởi thế, tiểu nhân là hạng người bon chen trong xã hội, nhất là xã hội đương thời chiến quốc của lịch sử Trung Hoa lúc bấy giờ. Suy ra thì xã hội loài người trải qua hai lần thế chiến, rồi chiến tranh ý thức hệ thú vật sau này tranh nhau quyền và lợi của hai phe vô sản* và tư bản vào thế kỷ XX nào có khác gì một cảnh chợ đông người mà gạt gắm lẫn chen đã làm nên cảnh trạng của bọn tiểu nhân bá quyền*, không biết đến bao giờ mới tuyệt diệt?!

• tiểu phục

costume religieux quotidien^F - daily religious costume^A - 小服 - Bộ đạo phục thường nhật của hàng chức sắc*, không rườm rà màu sắc như bộ đại phục*.

• Tiểu Thiên Địa

Univers en miniature^F - Miniature universe^A - 小天地 - Truyền thống Đạo học* Đông phương* (*Kinh Dịch** và *Kinh Vệ Đà**) đều xác nhận Con Người là thành phần của Vũ trụ trong câu Thiên Địa vạn vật nhất thể (*Trung Hoa*) hay Tat tvam asi (*Ấn Độ*). Cho nên trong Nho giáo* thường đem Con Người ngang hàng với Trời Đất gọi chung là Tam Tài*. Từ đó, Con Người được xem như Vũ trụ thu hẹp hay Tiểu Thiên Địa, ý chỉ nơi Con Người hàm chứa tất cả những gì đã có trong trời đất ở mức nhỏ nhất. Điều này phủ nhận hoàn toàn những lý thuyết về con người với tội tổ tông* của Cơ Đốc giáo* và con người là xú bì nang* vô minh* của Phật giáo* một cách rõ rệt. Cao Đài giáo* thì chấp nhận nền Đạo học Đông phương của Nho giáo và Ấn Độ giáo*. Sách *Lý Thuyết Tổng Hợp** cũng như sách *Bản Thể Luận** của Đồng Tân đã chia sẻ nền Đạo học này, một đẳng thì theo phương pháp khoa học* (*Lý Thuyết Tổng Hợp*) và một đẳng thì theo triết học* thuần túy (*Bản Thể Luận*) mà sự khảo ngộ từ thế giới Vô hình đã cho thấy rõ những gì mà các cụ giáo* trước đã đề cập đến trong kinh điển thường do ngũ quan của các môn đồ mà ra dù đã thành tông phái. Danh từ này được khai triển từ Kinh Đại Thừa Chơn Giáo* khi đề cập đến Con Người là một phần thân* của Thượng Đế* gọi là Đại Linh Quang*.

• Tiểu Thừa Phật giáo

Hinayana^P - 小乘佛教 - Còn gọi là Phật giáo* nguyên thủy, chủ trương tuân hành các giới luật* và điều kiện giáo lý* của đức Phật còn để lại tại thế sau khi ngài nhập diệt. Cho đến thế kỷ I sau Tây lịch, thời vua Kanishka với đại hội các vị La Hán, cấp giáo phẩm* cao nhất của phái này hồi Phật còn sinh tiền. Sau đó, Phật giáo đến kỳ kết tập thứ ba, thời vua Acoka* lại chia làm bốn phái: Nhất thiết hữu bộ* gồm bảy phái nhỏ và Thượng Tọa bộ gồm ba phái nhỏ. Hai phái này trở thành Tiểu Thừa hay Nam tông, còn hai phái kia là Đại chúng bộ và Chánh lượng bộ hợp thành Đại Thừa hay Bắc tông. Cái khác của Tiểu Thừa đối với Đại Thừa Phật giáo* là ở nhiều điểm, trong đó Tiểu Thừa không công nhận những vị Bồ Tát* là cao hơn La Hán, bởi theo họ Bồ Tát là hàng thiện nam tín nữ nên tăng sĩ không thể nào lễ bái các Bồ Tát và vì Bồ

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Tát hạnh có khi hóa hiện mang thân hình súc vật, nên Tiểu Thừa chỉ lễ bái đức Phật Gauthama và hàng Đại La Hán, không thờ Bồ Tát hay Phật nào khác. Phái này chủ trương hữu luận, thực hành giới luật, tuân y giáo điều*, cho rằng Cakya Mouni là người có hạn, căn cứ vào bộ Mahavibhassa trong kỳ kết tập thứ tư. Phái này chỉ chọn cho vào hàng tăng già những vị tỳ khưu là nhà tu hành* khát thực, không có chùa tháp lộng lẫy như phái Đại Thừa. Cũng nên biết thêm rằng trong Câu Xá tông* luận (*Đại Thừa*) có nói hàng Tiểu Thừa như một cỗ xe nhỏ chỉ đủ năng lực vận tải cá nhân, không thể đài thọ kẻ khác và như thế chỉ có phần tư lợi mà không có hạnh lợi tha.

• Tiểu tường

Cérémonie du 281^e jour du décès^F - Ceremony on the 281st day after death^A - 小祥 - Theo lịch trình cầu siêu* cho linh hồn* người liễu đạo*, trong Cao Đài giáo việc cầu siêu ban đầu phải qua Cửu tuần* 9x9=81 ngày, lúc đó linh hồn người chết được siêu hóa về cõi Trời thứ bảy của Cửu Trùng Thiên*. Họ chờ ở đó sau 200 ngày với lễ Tiểu tường, vào ngày thứ 281 thì được vào tầng Trời thứ tám tức cõi Hư Vô Thiên*, nơi đây họ yết kiến đức Phật Di Đà, gọi mình trong ao Thất Bửu để vào Liên đài* nhận lệnh cho đến ngày lễ Đại tường* 300 ngày sau nữa.

• Tìm Hiểu Căn bản Triết Học Cao Đài

À la recherche du Fondement de la Philo-sophie caodaïste^F - To research into the Foundations of Caodaist Philosophy^A - Tác phẩm triết học* của Đồng Tân xuất bản tháng 10 năm 1971 tại Sài Gòn (*nhà xuất bản Cao Hiên*). Nội dung gồm bốn chương: Chương I: Phân tích lịch trình diễn biến của xã hội loài người: Xã hội loài người đã bị xuống dốc từ nghìn xưa khi con người đã đánh mất căn bản đạo đức* của mình do những trào lưu văn minh* vật chất làm tăng trưởng mức vật dục tràn lan trong mọi lĩnh vực sinh hoạt của con người cả về văn chương nghệ thuật chính trị, duy tâm duy vật cũng như tôn giáo* mà cục diện thế giới ngày nay không khác một sân khấu diễn tuồng đấu tranh quyền lợi, không lĩnh vực sinh hoạt nào tránh khỏi. Chương II: Phần khám phá vũ trụ: Con

Đồng Tân

người là chân lý* và chân lý là con người, là mẫu dung hợp* giữa hai đại vũ trụ của tinh vân và tiểu vũ trụ của nguyên tử. Vũ trụ có một Tiềm Lực Thiên Nhiên* đang điều động cuộc sống bất diệt mà trong đó con người chỉ là một hiện tượng làm sống động nguồn sống đó mà thôi. Chương III: Phân khám phá con người: con người là thành phần trung thực nhất của Vũ trụ nên có một Sứ mạng* là cảm thông trong Tiềm Lực Thiên Nhiên cuộc sống bất diệt của Vũ trụ. Chương IV: Phân xây dựng xã hội: Xây dựng Con người tức là góp phần vào sự trường tồn của Vũ trụ*.

• Tìm hiểu Đạo Cao Đài

À la Recherche de la Doctrine Caodaique^F - To Research into the Caodaist Doctrine^A - Tác phẩm của Đồng Tân gồm hai giai đoạn:

1- Lần xuất bản năm 1974 tại Sài Gòn gồm 231 câu phỏng vấn. Sinh viên ký giả Ted Dutton thuộc viện Đại học Syracuse - Hoa Kỳ đã đưa ra 31 câu hỏi về Cao Đài giáo* để làm luận án ra trường và viết báo (tháng 1-1970), và sau đó là 200 câu phỏng vấn của giáo sư tiến sĩ Jeremy Davidson thuộc viện Đại học Luân Đôn (tháng 7-1970 trong dịp du khảo văn hóa tôn giáo). Giáo sư Raphael Smith trước đó năm 1967 đã đến Sài Gòn mua sách Lịch Sử Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển I - Phần Vô Vi* của Đồng Tân nên đã đề nghị viện Đại học phái giáo sư Jeremy đến Việt Nam gặp Đồng Tân tìm hiểu Cao Đài giáo. Trong thời gian này, 231 câu giải đáp phỏng vấn trên đây đã được đăng tải trên Nhứt báo Tiếng Việt tại Sài Gòn nên mọi người đều biết trước khi in thành sách năm 1974. Bản thảo sách này đã được Mục sư* cũng là nhà nhân chủng học* Hoa Kỳ có đem về Hoa Kỳ sau chuyến du khảo tôn giáo* để trình luận án tiến sĩ tại đại học Syracuse năm 1970 và sau đó đã gửi hoàn trả cho Đồng Tân với phần phiên dịch ra Anh văn nhưng rất tiếc vì biến cố 30 tháng 4 năm 1975 nên đã bị thiêu hủy do tai họa cộng sản.

2 - Lần tái bản năm 1999 tại Australia thêm vào lần xuất bản 1974 với 79 câu phỏng vấn của phóng viên Itar-Tass (Liên Xô), phó tiến sĩ Đại học Moscow (79 câu) về mọi sắc thái Cao Đài giáo khi ông đến tìm gặp tác giả năm 1994 tại Sài Gòn, cũng với mục đích trình luận án tiến sĩ về Cao Đài giáo tại Đại học Moscow. Các câu này cũng đã được in ra

để phát hành nội bộ cho bạn đạo trước khi Đồng Tân xuất ngoại dù dưới chế độ độc tài áp bức của cộng sản. Lần tái bản 3 sẽ thêm 38 câu phỏng vấn về Cao Đài giáo hải ngoại của nữ tiến sĩ giáo sư Janet Hoskins tại Đại học South California Hoa Kỳ qua ba lần trực tiếp với Đồng Tân những năm 2004-2005 trên mạng internet...

• Tin Lành giáo

Protestantisme^F - Protestantism^A - Danh từ Tin Lành dịch từ Protestantisme do chữ protestation có nghĩa là một cuộc khởi loạn do một số tín đồ Cơ Đốc theo Martin Luther* chống lại sự quá độ của hàng giáo phẩm* La Mã vào thế kỷ XVI. Sự phản loạn này đã lôi cuốn một số giáo dân tách rời quyền uy La Mã và ngôn ngữ, lễ chế La tinh. Môn đồ của Luther đã chống đối vào năm 1529 một nghị định do quốc hội Spire cấm tất cả mọi canh cải tôn giáo* trong các lãnh thổ Đức. Một cách tổng quát, danh từ Tin Lành bao gồm tất cả các giáo phái* nảy sinh từ phong trào này. Mặc dù cũng trong ý hướng cải cách giáo hội, Tin Lành giáo đã mang những sắc thái khác nhau tùy theo những hình thái tư tưởng, phong tục và cảnh trí của những xứ mà nó hình thành. Thế nên, không có một sự thống nhất lớn lao trong chủ thuyết. Các giáo phái càng nảy sinh và càng ngày càng trở nên phản cự. Tất cả giáo phái đều xưng tụng Kinh Thánh* nhất là Tân Ước với sự mong mỏi trở lại thời Cơ Đốc giáo nguyên thủy và một ưu tư lớn lao là sự đơn giản trong cách thờ phụng* và các nghi lễ. Sự liên hệ duy nhất của các phái là Kinh Thánh bởi họ cho rằng đó là quyển kinh do Thánh Thần soạn ra. Bởi không có một quyền lực nào tối cao kiểm soát các tín ngưỡng* thì khi có một sự phản đạo tất nảy ra một phái mới. Các sự nứt rạn nay thấy rõ rệt ở Hoa Kỳ bởi xứ này mới mẻ và có tính khoan dung đã nhận những người di trú từ Âu châu thường do sự khắc nghiệt tôn giáo mà ra đi. Thế nên, các giáo phái ở đây rất phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, tất cả đều có một chủ nghĩa cứu thế bởi hồng ân* của Chúa khai thị* từ đáng Christ*. Các phái này chấp nhận quyền ưu tiên của truyền thống trên những phần bình luận thần học* của các linh mục ở giáo hội Cơ Đốc. Các mẫu giáo phái Tin Lành chính là phái Luther, phái Calvin*, phái Anglican, phái Methodist. Theo phần đông, họ chấp nhận các giáo điều* chính của

Cơ Đốc giáo*: Sáng thế ký, Sự cứu thế của đức Chúa, Chúa Ba Ngôi*, Sự phán xét các linh hồn*, sự truyền giảng đức tin* bởi các sứ đồ hay Credo. Các giáo hội này phát sinh từ thời Cải cách, đã có hầu hết chủ trương căn bản là sự cứu rỗi bởi hồng ân mà đức tin có thể làm được. Đó là ân huệ của Chúa theo Thánh Paul*, vị Thánh cao nhất của giáo lý* Cơ Đốc, điều đã đem lại những tín ngưỡng vào sự tiền định, nhất là đối với các môn đồ Calvin. Tuy nhiên, các tác phẩm thì rất cần thiết phải phục vụ nhân loại nói chung đều là huynh đệ trong đáng Christ. Đó là căn bản của giáo điều được nhìn nhận bởi những người có lập trường chính thống (*les fondamentaux*) đối nghịch với những người có lập trường tự do* (*les libéraux*). Các nhà Thần học từ cuối thế kỷ XIX đã biểu lộ sự mong muốn "trở về nguồn" và cả đến sự thống nhất các giáo hội được thể hiện bởi Thỏa ước 1938, hiệp nhất tất cả những chi nhánh rao truyền Kinh Thánh. Mặc dù sự thống nhất các Giáo hội rất khó thực hiện do sự kiện của nguyên lý tự do tín ngưỡng rất mật thiết đối với người Tin Lành, một phong trào thống nhất lớn lao đã cố gắng tạo nên kết quả bằng những hội nghị, những hợp đoàn cầu nguyện* và những cố gắng liên tục... Tại Pháp, Tin Lành giáo đã đưa đến những trận chiến tranh tôn giáo vào thế kỷ XVI nên chỉ được quyền thị dân với sắc lệnh Nantes (1598) do vua Henri IV ban hành. Những sự trở dậy năm 1635 đem đến lo âu cho người Tin Lành nên họ đã di tản rất nhiều ra khỏi nước Pháp. Tại đây núi Cévennes, giáo hội di tản đã tạo nên một thờ cúng* bí mật sau bị quân đội vua Louis XIV tấn công, thủ lãnh chạy trốn sang Anh quốc. Thế kỷ XVIII thì tự do hơn và đưa đến sắc lệnh khoan hồng năm 1787, rồi điều ước 1802 nhìn nhận sự thờ cúng cải cách. Đạo luật 1905 tách rời giáo hội khỏi chánh quyền nhà nước. Từ thế kỷ XVIII, Tin Lành giáo đã lớn mạnh với nhiều thanh thế tại Ái Nhĩ Lan, đã tạo nên mâu thuẫn triền miên với Giáo hội Cơ Đốc, đến nay vẫn chưa hàn gắn được sự tranh chấp giữa tín đồ cùng một Chúa.

• tín

confiance^F - *confidence*^A - 信 - Sự tin cậy, sợi dây buộc cá nhân với mọi người chung quanh trong vấn đề giao tế. Người không có chữ tín thì không dùng vào việc gì được. Bởi thế cho nên Nho giáo*

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

đặt chữ tín trong ngũ thường* và cho là một yếu tố rất quan trọng. Sách Luận Ngữ* có câu: "Nhân nhi vô tín bất tri kỳ khả giả, đại xa vô nghệ, tiểu xa vô nghệ, kỳ hà dĩ hành chi tại?!" (Người mà không có chữ tín thì có dùng được chuyện gì đâu. Cỗ xe lớn không có cái nghệ, cỗ xe nhỏ không có cái nghệ thì lấy gì mà kéo nó đi được?!).

• Tín điều chủ nghĩa

Dogmatisme^F - *Dogmatism*^A - 信條主義 - Khuynh hướng xác nhận mà không cần bàn cãi. Về triết học* chỉ mọi chủ thuyết khởi đầu từ một khẳng định trước (*như vậy đối lập với phê bình chủ nghĩa*). Triết học phê phán bắt đầu hoài nghi tất cả - như Descartes* trong sách *Méditations (Chiêm Nghiệm)*, như Kant* trong sách *Critique de la Raison Pure (Phê Bình về Lý Trí Thuần Túy)* đã không giải quyết các vấn đề siêu hình về sự bất tử của linh hồn*, về nguồn gốc của Vũ trụ và về sự hiện hữu của Thượng Đế*; hay cả đến mọi nền triết học đưa đến một sự khẳng định (*triết học Spinoza* là tín điều chủ nghĩa trong mức độ mà nó chấm dứt ở một hệ thống kiến thức thật sự*). Nền triết học tín điều chủ nghĩa chỉ riêng biệt hơn cả là nền triết học thời Trung Cổ xây dựng trên quyền lực của tín điều tôn giáo* (*chủ nghĩa xác định rằng giáo hội nhân danh Chúa và sự khải ngộ*). Tín điều chủ nghĩa đối lập về mặt lý thuyết với hoài nghi thuyết* trong sự thực hành cuộc sống, nó đối lập với thực nghiệm chủ nghĩa. Nhà chính trị tín điều là người lái hành động của mình theo hàm số của một lý thuyết không để ý gì đến những thực tại lịch sử của thế giới hiện nay. Thái độ tuân hành theo tín điều chủ nghĩa là sự bất khoan dung hay sự cuồng tín*. Nói cụ thể, ý thức hệ cộng sản là một tín điều chủ nghĩa con đẻ của biện chứng duy vật mà Darwin và Karl Marx* đã tôn thờ, nên mới tạo ra những cuộc đấu tố giành giật quyền lợi kinh tế và thi hành chính sách độc tài đảng trị thú cầm không còn biết nhân tính là gì.

• tín ngưỡng

croyance^F - *faith*^A - 信仰 - Đức tin* vào một tôn giáo* hay một chủ thuyết. Lẽ thường, tín ngưỡng là một mức độ tin tưởng vào một đối tượng cao kỳ nào mà người ta cho là vô đối, bất kể đó là một thế lực hay một thần lực phát xuất từ đâu. Cho nên vào

Đông Tân

thời đại bá đạo* ngày nay, tín ngưỡng có thể chia làm hai loại: tín ngưỡng hữu thần là tín ngưỡng vào một đấng Thần linh* gọi là Độc Thần hay nhiều Thần linh gọi là Đa Thần với các nghi lễ tập quán mỗi nơi mỗi khác trong truyền kỳ lịch sử từ xưa nay đã có; loại thứ nhì là tín ngưỡng vô thần mà điển hình là mức độ cường tín* của cộng sản đã tôn thờ Karl Marx*, Lénine, Mao Trạch Đông, thậm chí tôi đòi như Hồ chí Minh một cách tuyệt đối mà tất cả những đối nghịch đều bị gọi là phản động và bị sát hại bằng đủ mọi cách mà dám quỷ ma hay thú dữ cũng không bằng, thêm vào đó họ không biết đến ông bà tổ tiên hay Thần Thánh gì cả. Nhưng đó chỉ là phần nhận diện về mức độ đức tin con người trước một đối tượng hữu khuynh hay tả khuynh mà hậu quả của nó gây ảnh hưởng tốt hay xấu cho cục diện nhân loại thì cũng do họ nhận lãnh mau hay lâu về sau mà thôi. Tuy nhiên, xét cho cùng thì con người sống trên đời là một động vật có lý trí, có tình cảm, "*có tư tưởng nhưng mà yếu như cây sậy*" như Pascal* đã nói vẫn chưa đủ nghĩa, mà phải bổ túc vào đó bằng con người là *một động vật có tín ngưỡng* thì mới xứng đáng với địa vị làm chủ nhân ông vạn vật khi mà các động vật khác chỉ thua con người có cái tín ngưỡng mà thôi. Nói cách khác, tín ngưỡng chính là phần căn bản của nhân tính mà con người đã có từ buổi khai nguyên. Cho nên khi đã đánh mất nhân tính mà cứ dựa vào một đối tượng nào - thường qua lớp kim tiền vật dục - dù mang tính Thần linh mà tạo cảnh sát máu như các thánh chiến Hồi giáo* lấy danh nghĩa Đấng Allah* - cứ tưởng Ngài là cao nhất và chỉ biết bênh vực dân Hồi giáo - để gây tang tóc trong nhân loại do những tay cực đoan cuồng tín dấy động khắp nơi, thì cũng chỉ tạo sự mù quáng cho tôn giáo* mà thôi chứ Đấng Thượng Đế* Hóa Công chủ trì đức hóa sanh, không phải như loại quỷ vương háo sát.

• tín ngưỡng thuyết

fidéisme^F - fideism^A - 信仰說 - Lý thuyết triết học* theo đó sự tín ngưỡng* tôn giáo* tùy thuộc riêng vào cảm tính chứ không vào lý trí. Dựa vào tư tưởng của Pascal*: "*Tín ngưỡng là Thượng Đế* gọi cảm nơi con tim*" một số các chức phẩm vào thế kỷ XIX rất cảm động bởi những lời phê phán của Kant* và của duy lý luận* do Kinh Viện học*, xác định sự

ưu tiên của một tín ngưỡng chân thành mà tự nó có thể cho ra ánh sáng cần để soi dẫn những lý luận đưa đến sự hiểu biết chân lý*. Chủ thuyết này bị hội Công đồng* Vatican lên án, nhưng vẫn tồn tại trong nhiều phái Tin Lành giáo*.

• tinh

sperme^F - sperm^A - Yếu tố truyền giống nơi động vật gọi là tinh dịch. Khi dùng một trong ba bấu nơi người tu Luyện đạo* thì gọi là Nguồn Tinh*.

• Tinh

精 - Phái Tiên Thiên* đã dùng chữ Tinh thay cho chữ Thanh* cho một đạo danh các chức phẩm Cửu Trùng Đài*, ví dụ Ngọc Châu Tinh thay vì Ngọc Châu Thanh, cùng lúc chỉ dùng đạo phục màu trắng thay cho ba màu như các chi phái* khác.

• Tinh lực

Énergie^F - Energy^A - Sách Thể Tính Học* là phần cấu tạo cơ năng vạn vật tiếp diễn sau Ngẫu Lực* từ Tiềm Lực Thiên Nhiên tạo thành. Đó là sự hiện thể hai chiều âm dương trong Vũ trụ* hiện diện cùng khắp vạn vật để thị hiện cơ sinh tồn trong Tiềm Lực Thiên Nhiên*.

• tinh nhất

pur^F - pure^A - 精一 - Một đức tính cần cho người tu học: đạo lý cần phải cho tinh thực, tâm tính phải cho chuyên nhất; thiếu đức tính này thì rất khó đạt đạo, rất dễ sa vào bàng môn tả đạo*.

• tinh tấn ba la mật

精進波羅蜜 - Một trong lục độ*, sáu điều dạy của đức Phật để chữa lục tệ*, đáng kể nhất là độ* thứ tư có nghĩa là chuyên cần siêng năng tu tập để tiến trên con đường lập hạnh bồ tát gồm bốn điều: 1- các điều ác chưa sanh thì phải làm cho nó đừng sanh, 2- các điều ác đã sanh thì phải năng làm cho nó tiêu diệt, 3- các việc lành chưa sanh, làm cho phát sanh, 4- các việc lành đã sanh, làm cho tăng trưởng.

• Tinh Thần Luật Pháp

Esprit des Lois^F - Spirit of Laws^A - Tác phẩm của Montesquieu* (*Mạnh Đức Tư Cưu**) xuất bản tại Genève năm 1748, không mang tên tác giả vì chế

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

độ phong kiến thời bấy giờ tại Âu châu. Một bài tựa quan trọng và 31 cách khai triển những quan hệ luật pháp với tất cả những gì quy định nó: chính quyền, quân lực, hiến pháp, chính trị, thuế má, khí hậu, phong tục, thương mại, tiền tệ, dân số, tôn giáo*. Phương pháp của Montesquieu thật là mới mẻ và tân kỳ bằng cách phân tích hiện thực (*khí hậu, phong tục...*), để tìm lại những nguồn gốc của luật pháp. Phương pháp khoa học* này cũng không thiếu những nguyên lý tổng quát của tinh thần, nhất là khi nó xác định các nền tảng của ba chính quyền: đạo đức* đối với dân chủ*, danh dự cho quân chủ và sợ hãi của độc tài. Sự thích dụng của ông là chế độ nước Anh, nơi mà tam quyền phân lập* và trật tự cùng tự do* liên kết nhau nhiều nhất. Tác phẩm hay ở chỗ đã để quần chúng hóa các quyền lợi chung, đã phân tích một cách khoa học các nguyên lý của nó (*cũng đã tạo nên nền khoa học tân kỳ của luật pháp*) và cuối cùng đã đặt luật pháp dưới một suy tư trên tổng thể của giá trị chung và đã tạo ra cái mà ngày nay người ta gọi là triết học* luật pháp sau Kant* và Fichte*.

• tình cảm

sentiment^F - *sentiment*^A - 情感 - Tất cả những gì chúng ta cảm nhận, đặc biệt những cảm xúc nhẹ nhàng và những tình dục cũng như những xu hướng tổng quát của con người (*tình cảm luân lý, sự khen ngợi*). Một nền luân lý về cảm tình xây dựng trên lòng thương hại (*Schopenhauer**), sự cảm hứng của con tim (*Rousseau**), lòng nhân ái (*Scheler*), tình yêu (*Bergson**) đối lập với một nền luân lý duy lý hay hình thức như của Kant* đã khuyến hành động theo nguyên lý dù tình cảm ta thể nào (*người ta tiếp xúc kẻ khác vì bốn phần* chứ không phải vì tình thương*). Sự quyết đoán thì rất chắc chắn và không làm tổn thương đến nhân cách. Một nền luân lý tình cảm thì thật sự không thể tổng quát. Vấn đề triết học* của tình cảm là tìm biết cảm tình có thể là một phương tiện thật sự của kiến thức hay không, theo đó người ta phân biệt những tính chất thiên nhiên không cần có tình cảm, nhưng là kiến thức khách quan, xử lý một công việc theo chừng mực và những thực chất của loài người, nơi mà cảm tình có thể là một công cụ có giá trị cho một kiến thức chung. Chỉ với sự xuất phát từ chính họ và cảm tình của họ mà nhà nhân

chủng học* có thể hiểu thật sự những phong tục của các thổ dân Nam Mỹ (*Lévi-Strauss*). Bản Thể Luận* thì cho rằng tình cảm là môi trường hoạt động của mọi hiện tượng sinh lý phát sinh từ Ý chí* gồm có đức tin*, đam mê*, bản năng*, ký ức* do giác thức* bảo tồn* phát nguyên từ Trí Thể* mà ra.

• tính khí

tempérament^F - *temperament*^A - 性氣 - Sự đặt để thiên nhiên nơi cá nhân con người. Tính khí, nói về sự đặt để của cơ năng (*bộ phận của tuyến nội tiết*) khác với tính tình thường là kết quả của một quyết định hay của một hiện tượng tâm lý (*ví dụ Thánh Ignace là người có tính nóng giận nhưng ông đã thắng đoạt sự hung bạo và đã trở thành Thánh bởi tính tình*). Thế nên, tính khí là di truyền* và tạo nên tính chất của một người về phương diện cơ năng, trong khi tính tình có tính cá nhân và mang tính con người về phương diện tâm lý. Golien (*y sĩ Hy Lạp 130-200 sau Tây lịch*) phân biệt bốn hạng tính khí: 1- người nóng nảy (*nhiều máu*), 2- người lãnh đạm (*nhiều bạch huyết*), 3- người say sưa (*nhiều âu sầu*), 4- người giận dữ (*nhiều mật*). Mặc dù người ta cũng đã có rất nhiều sự biểu đồng tình trong quan hệ của các tuyến nội tiết, nhưng họ cũng thấy rằng tính khí phụ thuộc vào một hệ điều hòa (*thalamus*) ở phần dưới của não bộ.

• tính tình

Xem tánh tình.

• tịnh luyện

contemplation^F - *contemplation*^A - 靜煉 - Cũng như cầu kinh, sự tập trung tinh thần nhưng với tính chất trí tuệ hơn về một đề tài triết học* hay tôn giáo*, nhất là về sự đi tìm nguồn sống bên kia cái sống hằng ngày của con người. Sự tịnh luyện đưa đến không chỉ những sự xuất thần* cảm xúc mà đến sự tiến hóa tâm linh. Đối với người Tây phương, tịnh luyện đưa con người đến những chân lý* trường cửu hội nhập với những đoạn trong Kinh Thánh*, trong khi đối với những tín đồ các tôn giáo Á châu thì tịnh luyện là một sự nhìn thấy thông suốt cuộc sống trong phần thực chất của nó, cho ra sự tự giác* và giải thoát* tư tưởng khỏi những sự ràng buộc về dục vọng. Trong dạng thức

Đong Tàn

Ấn Độ của nó, sự tịnh luyện (*dhyana*) là sự tập trung tinh thần với một sức mạnh hiệu quả đến mức độ cao nhất trong Phật giáo* do sự khảo duyệt của chuỗi dài nghiệp* quả* đưa đến. Sự giác ngộ* tính vô thường* của sự vật đến sự trong lành và thường đến sự đạt đạo. Trong Phật giáo Thiền tông*, giới luật* trở thành một tiền đề, một kinh nghiệm đột khởi siêu nhiên và dẫn đến chỗ phát huệ trong khi ở Tây Tạng thì nó dựa vào một dấu hiệu mandala*. Trong Ấn Độ giáo* nó là sự hình thành phép yoga* (*Jnana yoga*). Một lối ngồi cần phải có (*āsana*), lối ngồi thích dụng nhất là lối hoa sen (*padmasana*) nó tạo sự cân bằng của thể xác, sự yên lặng của giác quan và sự quân bình của trí lực bởi cột sống ngay ngắn, đặt thể xác điều hòa với trục trái đất. Trong các tu viện* Da Tô, tu sĩ* tịnh luyện trong các phòng kín hay trong một nhà thờ. Trong các tu viện thiền có một phòng tịnh luyện bao bọc một cái kệ dài trên đó các chiếu rom giới hạn chỗ ngồi của một tịnh viên (*họ ngồi với đôi chân xếp lại trong một thái độ oai nghiêm, họ cũng ở đây để ngủ trong giây lát khi chủ tịnh cho phép*). Thời Cổ Hy Lạp, các nhà tịnh luyện thường ở ngoài trời trong đêm có sao, sau đó là những nhà thần bí* đặt sự tịnh luyện trên những lý luận của trí não. Tại Ấn Độ, sự tịnh luyện có thể đưa người dân đến những phép lạ*, trước tiên là đối với mình, khi mình không còn thấy đau đớn, và có thể do phương pháp yoga đưa con người đến sự cứu rỗi và đến thế giới hư không (*Niết bàn**).

• Tịnh Thất

Cellulle de Méditation^f - Meditation Cell^A - 淨室
- Một cơ sở thuộc phần Phổ Độ* có ghi trong Tân Luật* dành cho những người tu ở bậc Thượng Thừa theo tự nguyện đến ở và lo việc công phu* tịnh luyện*. Nhà tu này gồm các chức sắc* về già hay chức việc muốn có nơi tịnh dưỡng nên tìm phương pháp tu luyện cho thân tâm trong sạch theo các quy luật và pháp môn* do cơ bút* phần Phổ Độ lập nên. Nhưng thời gian qua cho thấy các Tịnh Thất chưa thực hiện được theo tiêu chuẩn đã định vì các lãnh tụ các chi phái* Phổ Độ không thông đạt được phương pháp tu này, nếu không phải là do sự lệch lạc do cơ bút (*đồng tử* bị chi phối bởi lãnh đạo như ở Tiên Thiên về Lão giáo**), hoặc do cá nhân lãnh đạo (*như nhóm tu theo Phật giáo* với đạo*

phục nâu sồng ở Tây Ninh), hoặc ảnh hưởng Minh Sư* (*như ở Bến Tre*) nên thật ra không có thành quả đích thực. Cho nên, nếu sự tu luyện nơi tịnh thất có kết quả thì chỉ tạo cho người tu có được một thanh tâm trong lành ở hiện kiếp* sẽ được hưởng ân phước trong thời gian nhứt thời rồi phải trở lại thế gian, bởi còn nhờ vào tịnh thất có người chăm lo nuôi mình thì có khác gì các nhà tu cứu giáo* xưa nay vẫn phải mang nợ chúng sanh đóng góp không cách này cũng cách khác thì không làm sao được như lối tu tâm pháp Vô Vi* mà người tu phải tự tìm cách tự nuôi thân thì mới khỏi mang nợ thế gian và như thế mới giải thoát* được đến cõi vĩnh hằng.

• Tịnh Thổ tông

淨土宗 - Một tông phái Phật giáo Đại Thừa* lấy sự quy y tịnh thổ làm mục đích thờ Phật A Di Đà*. Tuy nhiên, xét về một phương diện thì A Di Đà Phật* chỉ là một cõi chỉ có trong thần thoại* Phật giáo*. Xét về một phương diện khác thì A Di Đà Phật chỉ là Thích Gia Thị hóa ra. Xét về một phương diện khác nữa thì A Di Đà Phật chỉ là lý tưởng hóa của trí lực từ bi mà thôi. Cũng có thuyết truyền rằng Pháp tạng tỷ khưu tu hành* nhiều kiếp* thành A Di Đà Phật. Tịnh Thổ tông chủ trương mọi người đều có Phật tánh*, đều có thể thành Phật. Do đó, Tịnh Thổ tông không khác Hoa Nghiêm tông* và Thiên Thai tông*, đã cho rằng thế gian này là đơ bản cầu đến cõi tịnh, cõi an lạc. Tịnh Thổ tông chỉ đem ra ứng dụng vào thực tế cái tư tưởng "sự sự vô ngại" của Hoa Nghiêm tông chứ không có chi khác.

• tịnh điền

井田 - Phép phân chia ruộng đất theo hình chữ tịnh gồm chín phần, trong đó người canh tác được hưởng tám phần chung quanh còn phần giữa thì dùng cho việc công ích, gọi tắt là tám phần tư một phần công. Lối phân chia này đã có từ thời Mạnh Kha* với chủ trương một cuộc cách mạng nông nghiệp thời bấy giờ. Phép tịnh điền đã được áp dụng một thời trong xã hội Trung Hoa.

• Tịnh tội giới

Purgatoire^f - Purgatory^A - 淨罪戒 - Một hình thức xử lý với tội nhân trong Giáo hội Da Tô giáo* là nơi mà các linh hồn* chuộc các tội nhẹ và hình

phạt do các tội nặng như tử hình... Tính chất các hình phạt và thời gian thì không được giải thích. Hình phạt tạm thời phải là hình phạt bằng lửa trước ngưỡng cửa vào hạnh phúc của Trời*. Chính Thống giáo* cũng chia sẻ khái niệm của tội giới dựa vào Kinh Thánh* và giáo quyền của các cha trong giáo hội. Nó đã được xác nhận bởi hội Công đồng* 30. Giáo hội truyền giảng rằng nhờ sự cầu nguyện*, người sống có thể chế giảm cho người chết. Các Thánh lễ Mi sa* được gọi là lễ cho những linh hồn ở Tội giới* và những lễ cho "ngày các người chết", sau này là Ngày Chư Thánh (*Toussaint*) đem người chết vào dự các hội của chư Thánh. Có những tổ chức và những hội đoàn cống hiến cho sự an ủi các linh hồn ở Tội giới. Một đạo luật tôn giáo* phái nữ, luật "phụ lực cho Tội giới" (*Auxiliaires du purgatoire*) tạo dựng từ 1856 bởi Eugénie Smat đã được thiết lập tại đây, cũng để dự vào các công trình xã hội và truyền giáo*.

